ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 82 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ để tổ chức thực hiện hiệu quả trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, nhằm xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa dựa trên lợi thế địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp của tỉnh; góp phần ổn định kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tạo mối gắn kết, phối hợp giữa các cấp, các ngành, huy động mọi nguồn lực để tổ chức, thực hiện đạt các mục tiêu kế hoạch mang lại hiệu quả thiết thực.

2. Yêu cầu

Bám sát các nội dung của Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển nông nghiệp, nông thôn đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Thường xuyên có kiểm tra, đôn đốc, giám sát, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch; kịp thời điều chỉnh những nội dung không phù hợp, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, đồng thời với làm tốt công tác thi đua khen thưởng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị gia tăng; bảo vệ môi trường, sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tạo thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân nông thôn, người làm nông nghiệp.

Xây dựng nông thôn toàn diện, văn minh, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ; chú trọng công tác bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp, an ninh trật tự được giữ vững. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giá trị tăng thêm ngành nông, lâm nghiệp bình quân hằng năm tăng 3 - 3,5%/năm.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn; trồng rừng mới hằng năm đạt trên 9.000 ha/năm, tỷ lệ che phủ rừng đạt 67%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 10.000 ha.

- Tỷ lệ cư dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh vào năm 2030 đạt 100%; có thêm ít nhất 140 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

- Phấn đấu nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến hết năm 2030 là 145/181 xã, chiếm tỷ lệ 80%; số tiêu chí bình quân 01 xã trên địa bàn tỉnh đạt trên 17 tiêu chí; toàn tỉnh có 50 xã nông thôn mới nâng cao, 20 xã nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt 70%; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 1,8 lần so với năm 2020; phấn đấu không còn huyện nghèo, cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện và hiện đại, nâng cao giá trị, tăng tỷ lệ xuất khẩu, phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, nông nghiệp số, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo tiền đề vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong

giai đoạn phát triển mới đến toàn thể cán bộ đảng viên, doanh nghiệp, hợp tác xã, các tầng lớp Nhân dân nhận thức đúng, đầy đủ về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Đổi mới phương pháp, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền cho phù hợp với từng địa phương, từng đối tượng, nội dung tập trung tuyên truyền về: phát triển nền nông nghiệp bền vững, tăng khả năng thích ứng và chống chịu biến động, bảo đảm cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai; phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, thân thiện môi trường, bảo vệ cảnh quan, sức khỏe con người; chuyển tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, liên kết chuỗi giá trị; phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, giá trị, chất lượng, khả năng thích nghi... chú trọng phương pháp tuyên truyền trực quan bằng các mô hình, giải pháp sản xuất có hiệu quả, tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp để từ đó lan tỏa, nhân rộng.

Tăng cường tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, cơ hội đầu tư, cơ chế chính sách ưu tiên, hỗ trợ phát triển để xúc tiến, kêu gọi, huy động được tối đa nội lực trong tỉnh, thu hút mạnh các nguồn lực từ bên ngoài đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh tạo chuyển biến tích cực hơn trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

2. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường

Xác định cụ thể và ưu tiên tập trung thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của từng địa phương, đặc biệt là nhóm các sản phẩm chủ lực của tỉnh; gắn phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm với việc xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

a) Lĩnh vực trồng trọt:

Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, điều kiện tự nhiên của từng địa bàn để xây dựng các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm chủ lực, đặc sản phù hợp, tạo vùng nguyên liệu, hàng hóa quy mô lớn, làm cơ sở phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, tạo thương hiệu sản phẩm, trong đó trọng tâm một số vùng, sản phẩm gồm: xây dựng vùng sản xuất rau các loại với diện tích 5.000 ha, vùng Lúa đặc sản chất lượng cao 10.000 ha, vùng Khoai tây, Khoai lang 2.000 ha, Thạch đen trên 5.000 ha, Chè 1.500 ha... phát triển, nâng cao chất lượng vùng trồng một số loài cây ăn quả tập trung như: vùng sản xuất Na với diện tích 4.500 ha; Quýt 2.000 ha; Hồng vành khuyên, Hồng Bảo Lâm 2.500 ha; cây Đào với diện tích 300 ha; cây có múi khác 1.500 ha; phát triển vùng sản xuất cây dược liệu (cây Ba kích, Chè hoa vàng, Lan Kim tuyến, Cà gai leo, Nghệ, Gừng, Sa nhân,...) với diện tích 4.000 - 4.500 ha; phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng một số cây trồng có tiềm năng như: Táo đại, Chanh leo, nấm, Mắc ca,... với quy mô hợp lý ở những địa bàn có lợi thế.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường thích ứng với biến đổi khí hậu. Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả diện tích đất trồng lúa, chuyển đổi sang trồng cây hằng năm, cây lâu năm có hiệu quả, thu nhập cao hơn.

Tăng cường sử dụng các loại giống tốt, chất lượng cao, phù hợp với vùng sinh thái, kết hợp với các quy trình thâm canh tốt, áp dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hóa để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tăng nhanh giá trị và khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm; đẩy mạnh công tác dự tính dự báo, chủ động trong phòng, chống dịch bệnh trên các loại cây trồng. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển mã số vùng trồng đối với các sản phẩm nông sản để xuất khẩu và mở rộng thị trường tiêu thụ.

b) Lĩnh vực chăn nuôi - thủy sản:

Từng bước phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại tập trung gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích đầu tư, phát triển các khu chăn nuôi tập trung khép kín, an toàn dịch bệnh. Phấn đấu duy trì, phát triển đàn lợn bình quân khoảng 450.000 con/năm; chăn nuôi trâu, bò trên 150.000 con/năm; chăn nuôi gia cầm trên 05 triệu con/năm; chăn nuôi dê trên 60.000 con/năm; ngựa bạch trên 1.500 con/năm. Đồng thời quan tâm phát triển một số loài vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế như Gà sáu ngón, Lợn hương, Vịt cổ xanh, Ong,...

Rà soát lại diện tích mặt nước tại các hồ thủy lợi để mở rộng diện tích nuôi các loài cá truyền thống; quan tâm, mở rộng mô hình nuôi cá lồng, đến năm 2030 đạt quy mô trên 1.500 lồng cá; duy trì diện tích mặt nước nuôi cá thả ao hằng năm đạt 1.300 ha, chú trọng ưu tiên nuôi một số loại đặc sản như cá Lăng, Nheo, cá Tầm, cá Bống... tăng cường bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản gắn với bảo tồn đa dạng sinh học.

Duy trì quy mô, nâng cao hiệu quả sản xuất đối với chăn nuôi nông hộ theo phương thức hữu cơ, chăn nuôi trang trại theo hướng sản xuất hàng hoá có kiểm soát đảm bảo vệ sinh thú y; đẩy mạnh chăn nuôi áp dụng theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGAHP, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, thân thiện với môi trường.

Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới để xử lý chất thải chăn nuôi, sản xuất phân bón hữu cơ và chế phẩm sinh học từ nguồn chất thải chăn nuôi. Nâng cao năng lực giám sát và dự báo, chủ động ngăn ngừa phòng, chống dịch bệnh ở vật nuôi; đẩy mạnh hiệu quả chất lượng công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm trên địa bàn nhằm phòng, chống, kiểm soát tốt các loại dịch bệnh nguy hiểm như: Dịch tả lợn Châu Phi, cúm gia cầm, Viêm da nổi cục trâu bò,...

c) Lĩnh vực lâm nghiệp:

Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng, khai thác tối đa nguồn lực, lợi thế đất đai, đồi rừng để phát triển lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng tâm; tập trung phát triển, duy trì ổn định các vùng sản xuất tập trung hiện có gồm: vùng Hồi với diện tích 35.000 ha; vùng Thông 130.000 ha; vùng Keo 40.000ha,

Bạch đàn 10.000ha; phát triển mở rộng vùng Quế lên khoảng 8.000 ha, vùng Sở 8.000 ha.

Tập trung triển khai có hiệu quả Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; xây dựng ngành lâm nghiệp thành ngành kinh tế có hiệu quả cao, nâng cao thu nhập của người dân, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nhẹ thiên tai, giữ vững quốc phòng và an ninh, trong đó: tập trung quản lý chặt chẽ, bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có; đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển du lịch sinh thái và kinh tế dưới tán rừng. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, các dịch vụ môi trường rừng (bao gồm cả trao đổi, buôn bán tín chỉ các-bon từ rừng). Phát triển công nghiệp chế biến gỗ thông qua việc xây dựng và hỗ trợ xây dựng các cơ sở chế biến lâm sản; khuyến khích đầu tư xây dựng các khu chế biến công nghệ cao, hình thành các làng nghề sản xuất, kinh doanh lâm sản ngoài gỗ, giống cây lâm nghiệp.

Theo dõi, cập nhật kịp thời, đầy đủ diễn biến, thay đổi hiện trạng rừng; tiếp tục rà soát và kiên quyết xử lý tình trạng lấn chiếm, xâm canh đất rừng trái pháp luật và các tồn đọng trong giao đất, giao rừng; rà soát những diện tích rừng và đất rừng chưa giao hoặc chưa cho thuê (Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý) theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để xây dựng phương án tổ chức sản xuất hiệu quả.

Nâng cao chức năng phòng hộ bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học của rừng, phát huy sự tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng, doanh nghiệp vào quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; thúc đẩy các hoạt động kết hợp bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học với công tác giáo dục bảo vệ môi trường.

3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; bảo tồn và phát triển giống bản địa. Khuyến khích đầu tư mới và nâng cấp các cơ sở sản xuất giống nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời giống cây, con có chất lượng tốt cho sản xuất nông, lâm nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Tập trung nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông lâm nghiệp, chú trọng khâu chế biến, bảo quản sau thu hoạch, gắn với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu để nâng cao giá trị gia tăng; quan tâm đặc biệt việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Tăng cường áp dụng các biện pháp tổ chức, quản lý sản xuất theo các tiêu chuẩn tiên tiến (VietGAP, GlobalGAP, HACCP, hữu cơ,…); tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, hướng tới nền nông nghiệp đảm bảo, có trách nhiệm; cấp mã số vùng trồng đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC, PEFC). Đẩy mạnh ứng dụng

công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng và giá trị sản phẩm, phát huy tiềm năng sẵn có tiến tới hình thành các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

Khuyến khích đầu tư phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông sản; đặc biệt ưu tiên công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường.

4. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án triển khai chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Chuyển mạnh từ xây dựng các "chuỗi cung ứng nông sản" sang phát triển các "chuỗi giá trị ngành hàng". Ưu tiên hoàn chỉnh chuỗi giá trị cho các ngành hàng chủ lực của tỉnh, hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị cho ngành hàng chủ lực của các địa phương. Dựa vào các vùng chuyên canh hàng hóa quy mô lớn của các nông sản chủ lực, phát triển hợp tác xã, giảm dần các khâu trung gian, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến hoặc thương mại lớn để hình thành các chuỗi giá trị; lấy chuỗi giá trị của các nông sản để kết nối các vùng chuyên canh nhỏ, hình thành không gian kinh tế chung giữa các địa phương tương đồng về điều kiện, "vượt qua" địa giới hành chính. Gắn kết các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị.

- Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...). Đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô, giới thiệu công nghệ và cách quản lý mới.

Tập trung xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò chính trong xây dựng và duy trì hoạt động của chuỗi, đảm bảo khâu tiêu thụ sản phẩm. Triển khai, tổ chức thực hiện tốt các quy định về sở hữu trí tuệ, chú trọng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có nhãn mác, giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường xuất khẩu mới, chủ động trong khâu tiêu thụ, hạn chế phụ thuộc vào một vài thị trường.

5. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn; xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống

Chú trọng phát triển kinh tế nông thôn, đi đôi với phát triển nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp để giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Nâng cao hiệu quả, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế, trang trại và kinh tế hợp tác. Khuyến khích, có chính sách hỗ trợ để nông dân tại các vùng chuyên canh tham gia các chương trình đào tạo có chứng chỉ để sản xuất ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và các yêu cầu mới của thị trường (nông nghiệp cảnh quan, nông nghiệp trách nhiệm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao,...), đồng thời có chính sách hỗ trợ như tín dụng ưu đãi, hỗ trợ bảo hiểm, hỗ trợ liên kết, tiêu thụ nông sản... thông qua hợp tác xã và hội nông dân xây dựng chương trình, tổ chức các lớp đào tạo miễn phí nhằm nâng cao trình độ chuyên môn về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sử dụng máy móc cơ giới, sử dụng phân bón, thuốc hóa học đúng cách, sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý,...

Xây dựng, hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, y tế giáo dục, văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung theo hình thức xã hội hóa... khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

Đổi mới nội dung hoạt động, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của vùng miền, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí. Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu, xã đạt dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Khuyến khích xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững; đưa nông thôn trở thành "nơi đáng sống". Xây dựng nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, góp phần thu hẹp khoảng cách thụ hưởng dịch vụ xã hội cơ bản với thành thị.

6. Phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn

Lấy người dân nông thôn là chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển (vốn, đất, nước, năng lượng, khoa học công nghệ,...), các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội (dinh dưỡng, y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa, thông tin, giao thông...), các cơ hội (học, làm việc, thị trường,...). Xây dựng các chính sách phúc lợi xã hội công bằng (nhà ở và nơi định cư, bảo hiểm chữa bệnh, chế độ về hưu,...) cho người dân nông thôn; hướng tới bình đẳng giới. Chủ động phòng, chống rủi ro, đảm bảo địa bàn cư trú và đời sống của cư dân nông thôn an ninh và an toàn trước thiên tai, địch họa, dịch bệnh và các biến động bất lợi.

Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, dứt điểm việc xóa đói và tiến đến xóa nghèo. Đối với những người nghèo ở các vùng thuận lợi thì tạo điều kiện cung cấp tài nguyên, tạo nguồn sinh kế để họ tự tin, chủ động vươn lên cải thiện đời sống. Đối với các ở địa phương nghèo và các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số thì tập trung ưu tiên hỗ trợ, mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội tới tất cả đối tượng dễ bị tổn thương, các đối tượng yếu thế.

7. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, khuyến khích tạo điều kiện cho các sáng lập viên có nhu cầu về thành lập HTX đặc biệt tại các vùng sản xuất trọng điểm, ngành hàng chủ lực, vùng sản xuất hàng hoá, xã nông thôn mới và các địa phương có sản phẩm OCOP thành lập, phát triển hình thức tổ chức sản xuất hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác. Phấn đấu bình quân mỗi năm thành lập từ 15 Hợp tác xã lĩnh vực nông lâm nghiệp trở lên. Từ năm 2022 trở đi đưa chỉ tiêu phát triển hình thức tổ chức sản xuất (thành lập mới Hợp tác xã, tổ hợp tác lĩnh vực nông nghiệp) thành chỉ tiêu pháp lệnh trong quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch hằng năm của tỉnh để phân giao cụ thể cho các đơn vị thực hiện, gắn trách nhiệm, hiệu quả.

Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, tổ hợp tác, cá nhân có điều kiện về vốn, kỹ thuật có thể liên kết với người dân tích tụ ruộng đất để sản xuất nông, lâm nghiệp theo chuỗi liên kết tập trung, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất giữa nông dân với doanh nghiệp trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt về khoa học công nghệ, bao tiêu, tiêu thụ sản phẩm. Tạo điều kiện tối đa hỗ trợ cho các doanh nghiệp, HTX tiếp cận dễ dàng hơn với các cơ chế chính sách của trung ương, chính sách đặc thù của tỉnh để có thêm nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chỉ dẫn địa lý, nhãn mác, thương hiệu sản phẩm.

Tăng cường nâng cao năng lực hoạt động của HTX trên cơ sở kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý HTX, THT thông qua tổ chức đại hội, hội nghị lựa chọn, bầu những thành viên có tâm huyết, trình độ vào đội ngũ quản lý; đồng thời bổ sung nhân lực có trình độ tham gia vào HTX, THT bằng việc thu hút các sinh viên tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng có năng lực, trình độ về làm việc tại HTX theo chính sách đặc thù của tỉnh. Phối hợp với các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, quản trị HTX, nghiên cứu phương hướng sản xuất kinh doanh, dự báo phát triển thị trường, marketting cho các cán bộ quản lý HTX, THT và trang trại; đẩy mạnh đào tạo nghề nông nghiệp cho các thành viên HTX và nông dân để ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham gia liên kết sản xuất sản phẩm chủ lực, thúc đẩy HTX hoạt động thực chất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong tình hình mới.

Đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo, kết nối thị trường để định hướng sản xuất và quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm nông lâm nghiệp của tỉnh. Tăng cường hỗ trợ nông dân kết nối liên kết với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, hình thành chuỗi khép kín từ

sản xuất đến tiêu thụ; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông nghiệp, cơ sở chế biến nông sản quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, tham gia các hội chợ quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm ở trong tỉnh, ngoài tỉnh và quốc tế. Xây dựng chuyên mục về cơ sở dữ liệu, tuyên truyền OCOP.

8. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn

Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Phát triển khuyến nông điện tử, thương mại điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo dịch bệnh, thiên tai; quản lý vùng nguyên liệu.

Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...). Xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sinh, kinh tế, hạ tầng sản xuất, công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn... làm cơ sở cho phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư cho chuyển đổi nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

9. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Chủ động rà soát, sửa đổi, xây dựng mới các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các chính sách về tín dụng, huy động vốn, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Rà soát, nghiên cứu các cơ chế chính sách pháp luật về đất đai theo hướng bảo vệ và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp, tạo điều kiện sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp nhằm tổ chức sản xuất theo nhu cầu của thị trường.

Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của Trung ương, của tỉnh đã ban hành. Trọng tâm là Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày

10/12/2019 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông nghiệp, giai đoạn 2020-2030 và các chương trình đề án đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh phê duyệt.

10. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu

Xây dựng cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... cách xa các khu đô thị, vùng đông dân cư, khu du lịch nghỉ dưỡng.... tập trung trồng lại rừng phòng hộ và đặc dụng, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ chặt chẽ những vùng nhạy cảm về sinh thái, môi trường.

11. Tăng cường hợp tác quốc tế lĩnh vực nông nghiệp

Chủ động hội nhập quốc tế, duy trì, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, đồng thời tích cực thiết lập các quan hệ hợp tác với các đối tác tiềm năng về xuất, nhập khẩu giống mới, quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến.

Tổ chức các chương trình trao đổi, học tập mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, xây dựng nông thôn mới của các nước có thế mạnh, kinh nghiệm về phát triển nông, lâm nghiệp trong khu vực và trên thế giới; trao đổi chuyên gia đến làm việc, chia sẻ kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp cho tỉnh.

Tăng cường công tác xúc tiến, giới thiệu, quảng bá, kết nối, hợp tác, trao đổi lĩnh vực nông nghiệp với các địa phương trong nước và nước ngoài để từng bước hội nhập, tham gia vào các Hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch này; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; chủ động tham mưu đề xuất xây dựng các cơ chế chính sách mới để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

Phối hợp Sở Công Thương tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh; chủ

động rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung các cơ chế chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công, vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện kế hoạch.

3. Sở Tài chính: phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn sự nghiệp để thực hiện các hoạt động tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tham mưu đảm bảo các chính sách tài chính cho việc thực hiện các đề án, dự án, chính sách có liên quan.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường*:* rà soát, điều chỉnh, quy hoạch sử dụng đất phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội; đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học tạo thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: tham mưu UBND tỉnh đặt hàng các nghiên cứu về giống, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ mới vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp. Hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh các hoạt động về xác lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ với các sản phẩm hàng hóa; hướng dẫn xây dựng mã số, mã vạch các sản phẩm, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa.

6. Sở Công Thương*:* phối hợp các sở, ngành tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển thị trường, công tác quảng bá và xúc tiến thương mại sản phẩm nông, lâm nghiệp, triển khai thực hiện các chính sách về thương mại hàng nông sản.

7. Sở Giao thông vận tải: phối hợp các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tăng cường đầu tư phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và các huyện, thành phố triển khai chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng làng xã thông minh. Phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

9. Ngân hàng nhà nước tỉnh: chỉ đạo các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn ưu tiên nguồn vốn cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là cho vay xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân trong việc tiếp cận vốn vay.

10. Các Sở, ngành khác: theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị gắn với thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và các nội dung nhiệm vụ kế hoạch này.

11. UBND các huyện, thành phố

Xây dựng Chương trình/kế hoạch cụ thể hóa nội dung kế hoạch này để tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện địa phương. Tăng cường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch trên địa bàn.

Tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách của trung ương, tỉnh đã ban hành; vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

12. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: tăng cường vai trò trong thực hiện tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội nhằm phát huy vai trò của mọi tầng lớp Nhân dân trong việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc, khẩn trương triển khai thực hiện; quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy; (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc, đoàn thể CT-XH;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo LS, Đài PT-TH tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TH-CB;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh